BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 136/2017/TT-BTC	*Hà Nội, ngày 22 tháng 12 năm 2017*

VĂN PHÒNG UBND TỈNH TÂY NINH
ĐẾN Số: 258
Ngày: 12/1/18
Chuyển: ...

THÔNG TƯ

Quy định lập, quản lý, sử dụng kinh phí chi hoạt động kinh tế đối với các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ các Luật chuyên ngành gồm: Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013; Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010; Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012; Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật Khí tượng thủy văn ngày 23 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai;

Căn cứ Nghị định số 45/2015/NĐ-CP ngày 6 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về hoạt động đo đạc và bản đồ;

Căn cứ Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khí tượng thủy văn;

Căn cứ Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 81/2010/QĐ-TTg ngày 13 tháng 12 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ quy định về thu nhận, lưu trữ, xử lý, khai thác và sử dụng dữ

liệu viễn thám quốc gia; Quyết định số 76/2014/QĐ-TTg ngày 24 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 81/2010/QĐ-TTg ngày 13 tháng 12 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính Hành chính sự nghiệp;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định lập, quản lý, sử dụng kinh phí chi hoạt động kinh tế đối với các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định việc lập, quản lý, sử dụng kinh phí chi hoạt động kinh tế đối với các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường, bao gồm: Quản lý đất đai, đo đạc và bản đồ, địa chất và khoáng sản, tài nguyên nước, biển và hải đảo, khí tượng thủy văn và giám sát biến đổi khí hậu, viễn thám, đa dạng sinh học và một số nhiệm vụ chi khác về tài nguyên môi trường.

2. Các nguồn kinh phí khác quy định về các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường (như nguồn kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường, kinh phí sự nghiệp khoa học, vốn đầu tư phát triển, nguồn vốn khác) không thuộc phạm vi điều chỉnh tại Thông tư này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ (sau đây gọi tắt là các Bộ, cơ quan trung ương); các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

2. Các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan đến việc sử dụng kinh phí chi hoạt động kinh tế thực hiện các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường.

Điều 3. Kinh phí chi hoạt động kinh tế đối với các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường

1. Kinh phí ngân sách nhà nước cấp

a) Ngân sách trung ương bảo đảm kinh phí chi hoạt động kinh tế đối với các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường do các Bộ, cơ quan trung ương thực hiện;

b) Ngân sách địa phương bảo đảm kinh phí chi hoạt động kinh tế đối với các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường do các cơ quan, đơn vị ở địa phương thực hiện.

2. Nguồn khác theo quy định của pháp luật (nếu có)

3. Các cơ quan, đơn vị, cá nhân sử dụng kinh phí chi hoạt động kinh tế thực hiện các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường phải theo đúng nội dung đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; quản lý, sử dụng kinh phí đúng chế độ, tiết kiệm và có hiệu quả; chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan chức năng có thẩm quyền; thực hiện thanh quyết toán, chế độ công khai ngân sách theo quy định hiện hành.

Điều 4. Các nhiệm vụ chi hoạt động kinh tế về tài nguyên môi trường

1. Nhiệm vụ chi hoạt động kinh tế về tài nguyên môi trường của ngân sách trung ương

a) Quản lý đất đai

- Điều tra, đánh giá đất đai của cả nước, các vùng theo định kỳ và theo chuyên đề theo quyết định của cấp có thẩm quyền;

- Tổng hợp, báo cáo thống kê đất đai; kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất của cả nước và theo vùng; thống kê, kiểm kê đất quốc phòng, an ninh;

- Lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp quốc gia, kế hoạch sử dụng đất quốc phòng, kế hoạch sử dụng đất an ninh;

- Điều tra thu thập thông tin xây dựng, điều chỉnh khung giá đất, theo từng vùng; lập bản đồ giá đất;

- Xây dựng, cập nhật, quản lý thông tin đất đai, cơ sở dữ liệu đất đai quốc gia.

b) Đo đạc và bản đồ

- Thiết lập hệ quy chiếu quốc gia, hệ thống số liệu gốc đo đạc quốc gia, hệ thống điểm đo đạc cơ sở chuyên dụng;

- Thành lập và hiện chỉnh hệ thống bản đồ địa hình quốc gia; lập bản đồ hành chính toàn quốc và cấp tỉnh; đo đạc và bản đồ về biên giới quốc gia; bản đồ chuyên đề phục vụ mục đích chuyên dụng của ngành;

- Xây dựng hệ thống không ảnh cơ bản, hệ thống không ảnh chuyên dụng; hệ thống địa danh sử dụng trong đo đạc và bản đồ;

- Xây dựng, cập nhật, quản lý cơ sở dữ liệu địa lý quốc gia, cơ sở dữ liệu địa lý chuyên dụng, dữ liệu không gian địa lý;

- Duy trì, bảo trì hệ thống điểm đo đạc quốc gia, điểm đo đạc cơ sở chuyên dụng.

c) Địa chất và khoáng sản

- Điều tra, phát hiện khoáng sản cùng với việc lập bản đồ địa chất khu vực, địa chất tai biến, địa chất môi trường, địa chất khoáng sản biển, bản đồ chuyên đề và các chuyên đề về địa chất, khoáng sản;

- Đánh giá tiềm năng khoáng sản theo loại, nhóm khoáng sản và theo cấu trúc địa chất có triển vọng nhằm phát hiện khu vực có khoáng sản mới;

- Thăm dò một số loại khoáng sản quan trọng phục vụ mục tiêu quốc phòng, an ninh, phát triển kinh tế - xã hội (nếu có) theo quy định của pháp luật về khoáng sản;

- Khoanh định khu vực có khoáng sản phân tán nhỏ, lẻ; khu vực có khoáng sản độc hại; khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia; khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền của trung ương;

- Thống kê, kiểm kê trữ lượng khoáng sản;

- Lưu trữ, quản lý thông tin về kết quả điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, thông tin về khoáng sản;

- Bảo quản và trưng bày mẫu vật địa chất, khoáng sản.

d) Tài nguyên nước

- Điều tra, đánh giá tài nguyên nước đối với các nguồn nước liên tỉnh, liên quốc gia; kiểm kê tài nguyên nước đối với các nguồn nước liên tỉnh, liên quốc gia;

- Điều tra hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải, khí thải, chất thải khác vào nguồn nước đối với các nguồn nước liên tỉnh, liên quốc gia;

- Hoạt động quan trắc, giám sát tài nguyên nước đối với các nguồn nước liên tỉnh, liên quốc gia thuộc trung ương quản lý;

- Xây dựng và duy trì hệ thống cảnh báo, dự báo lũ, lụt, hạn hán, xâm nhập mặn và các tác hại khác do nước gây ra;

- Các hoạt động bảo vệ tài nguyên nước, phòng chống suy thoái, cạn kiệt nguồn nước, khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra trên các lưu vực sông liên tỉnh, liên quốc gia; điều hòa, phân phối tài nguyên nước trên các lưu vực sông liên tỉnh; lập quy trình vận hành liên hồ chứa; xây dựng danh mục lưu vực sông, danh mục nguồn nước theo quy định;

- Xây dựng, cập nhật, quản lý thông tin, cơ sở dữ liệu về tài nguyên nước quốc gia.

đ) Biển và Hải đảo

- Điều tra cơ bản tài nguyên biển và hải đảo thực hiện theo quy định của pháp luật;

- Các nhiệm vụ, dự án, đề án thuộc chương trình trọng điểm điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển và hải đảo theo quyết định của cấp có thẩm quyền, có tính chất chi từ nguồn kinh phí chi hoạt động kinh tế;

- Quản lý tổng hợp tài nguyên vùng bờ có phạm vi liên tỉnh theo quyết định của cấp có thẩm quyền;

- Điều tra, đánh giá, thống kê, phân loại, quản lý tài nguyên biển và hải đảo do Trung ương quản lý;

- Hoạt động quan trắc, giám sát tổng hợp tài nguyên môi trường biển và hải đảo quốc gia;

- Xây dựng, cập nhật, quản lý thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên môi trường biển và hải đảo của ngành, quốc gia theo quy định của pháp luật.

e) Khí tượng thủy văn và giám sát biến đổi khí hậu

- Hoạt động quan trắc khí tượng thủy văn thuộc mạng lưới trạm khí tượng thủy văn quốc gia; điều tra, khảo sát bổ sung thông tin, dữ liệu cho mạng lưới trạm khí tượng thủy văn quốc gia;

- Dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn thuộc hệ thống dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn quốc gia;

- Giám sát biến đổi khí hậu;

- Xây dựng, quản lý thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn quốc gia và giám sát biến đổi khí hậu.

g) Viễn thám

- Giám sát tài nguyên, thiên tai bằng công nghệ viễn thám phục vụ quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

- Xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu viễn thám quốc gia;

- Vận hành, bảo trì hệ thống trạm thu ảnh viễn thám quốc gia;

- Mua dữ liệu viễn thám (nếu có) phục vụ công tác giám sát tài nguyên môi trường và thiên tai, trong trường hợp trạm thu ảnh vệ tinh của Việt Nam và cơ sở dữ liệu ảnh viễn thám quốc gia không đáp ứng được yêu cầu về khai thác và sử dụng dữ liệu viễn thám và được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

h) Đa dạng sinh học

Nhiệm vụ chi hoạt động kinh tế về đa dạng sinh học của trung ương theo khoản 2 Điều 3 Thông tư liên tịch số 160/2014/TTLT-BTC-BTNMT ngày 29 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính và Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước thực hiện các nhiệm vụ, dự án theo Chiến lược quốc gia về đa dạng sinh học đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

i) Các nhiệm vụ chi khác

- Lập, điều chỉnh nhiệm vụ quy hoạch các lĩnh vực theo quy định của pháp luật;

- Xây dựng, điều chỉnh chiến lược, kế hoạch về tài nguyên theo lĩnh vực; thống kê ngành và quốc gia về tài nguyên môi trường (không bao gồm thống kê lĩnh vực môi trường chi từ nguồn sự nghiệp bảo vệ môi trường);

- Xây dựng, tích hợp, lưu trữ, quản lý cơ sở dữ liệu chung về tài nguyên quốc gia; ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác điều tra, đánh giá, quản lý tài nguyên của trung ương theo quy định của các pháp luật chuyên ngành, nội dung có tính chất chi thường xuyên từ nguồn kinh phí hoạt động kinh tế (nếu có);

- Xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật, đơn giá sản phẩm về quản lý đất đai, đo đạc và bản đồ, địa chất và khoáng sản, tài nguyên nước, biển và hải đảo, khí tượng thủy văn và giám sát biến đổi khí hậu, viễn thám, đa dạng sinh học, nhiệm vụ chi khác (nếu có) thuộc nhiệm vụ của trung ương;

- Tuyên truyền, phổ biến pháp luật của lĩnh vực theo quy định của pháp luật chuyên ngành được chi từ nguồn hoạt động kinh tế; tập huấn chuyên môn nghiệp vụ về tài nguyên môi trường của trung ương theo nội dung chi từ nguồn chi hoạt động kinh tế;

- Vốn đối ứng các dự án hợp tác quốc tế có tính chất chi thường xuyên từ nguồn chi hoạt động kinh tế về tài nguyên môi trường (nếu có);

- Sửa chữa lớn, mua sắm trang thiết bị phục vụ nhiệm vụ chuyên môn đối với đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực chi hoạt động kinh tế (trừ đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư được Nhà nước đặt hàng theo giá tính đủ chi phí bao gồm chi phí khấu hao tài sản cố định);

- Nhiệm vụ chi khác về quản lý đất đai, đo đạc và bản đồ, địa chất và khoáng sản, tài nguyên nước, biển và hải đảo, khí tượng thủy văn và giám sát biến đổi khí hậu, viễn thám, đa dạng sinh học, chi khác (nếu có) của trung ương.

2. Nhiệm vụ chi hoạt động kinh tế về tài nguyên môi trường của ngân sách địa phương

a) Quản lý đất đai

- Điều tra, đánh giá đất đai của địa phương theo định kỳ và theo chuyên đề;

- Lập, chỉnh lý bản đồ địa chính ở địa phương;

- Thống kê đất đai; kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất của địa phương;

- Lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh, cấp huyện;

- Điều tra thu thập thông tin xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất, xác định giá đất cụ thể của địa phương; lập bản đồ giá đất;

- Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất; đăng ký biến động đất đai, chỉnh lý hồ sơ địa chính, cập nhật biến động đất đai của địa phương theo quyết định của cấp có thẩm quyền (nếu có);

- Xây dựng, cập nhật, quản lý thông tin đất đai, cơ sở dữ liệu đất đai của địa phương.

b) Đo đạc và bản đồ

- Các hoạt động đo đạc và bản đồ phục vụ yêu cầu quản lý của từng địa phương: Thiết lập các điểm đo đạc cơ sở chuyên dụng; xây dựng hệ thống không ảnh chuyên dụng; thành lập bản đồ hành chính cấp huyện, bản đồ chuyên đề phục vụ mục đích chuyên dụng;

- Đo đạc và bản đồ về địa giới hành chính theo quy định của pháp luật;

- Xây dựng, quản lý thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ, địa giới hành chính của địa phương.

c) Địa chất và khoáng sản

- Bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn của địa phương;

- Khoanh định khu vực cấm hoặc tạm thời cấm hoạt động khoáng sản, khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền của địa phương;

- Lưu trữ, quản lý thông tin về khoáng sản của địa phương.

d) Tài nguyên nước

- Điều tra, đánh giá tài nguyên nước đối với các nguồn nước nội tỉnh, nguồn nước liên tỉnh trên địa bàn; kiểm kê tài nguyên nước đối với các nguồn nước nội tỉnh;

- Điều tra, tổng hợp hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên nước; xả nước thải vào nguồn nước đối với nguồn nước nội tỉnh, nguồn nước trên địa bàn;

- Hoạt động quan trắc, giám sát tài nguyên nước của địa phương;

- Xây dựng và duy trì cảnh báo, dự báo lũ, lụt, hạn hán, xâm nhập mặn và các tác hại khác do nước gây ra thuộc phạm vi địa phương quản lý;

- Các hoạt động bảo vệ tài nguyên nước; phòng chống suy thoái, cạn kiệt nguồn nước, khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra ở nguồn nước nội tỉnh; xác định danh mục hồ, ao, đầm, phá không được san lấp;

- Xây dựng, cập nhật, quản lý thông tin, cơ sở dữ liệu về tài nguyên nước của địa phương.

đ) Biển và Hải đảo

- Điều tra cơ bản tài nguyên biển và hải đảo thuộc phạm vi quản lý của địa phương;

- Các nhiệm vụ, dự án, đề án thuộc Chương trình trọng điểm điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển và hải đảo theo quyết định của cấp có thẩm quyền, có tính chất chi từ nguồn kinh phí hoạt động kinh tế;

- Quản lý tổng hợp tài nguyên vùng bờ thuộc phạm vi quản lý của địa phương theo quyết định của cấp có thẩm quyền;

- Điều tra, thống kê, phân loại, quản lý tài nguyên biển và hải đảo do địa phương quản lý;

- Hoạt động quan trắc, giám sát tổng hợp tài nguyên, môi trường biển và hải đảo của địa phương;

- Thiết lập và quản lý hành lang bảo vệ bờ biển của địa phương;

- Xây dựng, cập nhật, quản lý thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên môi trường biển và hải đảo của địa phương.

e) Khí tượng thủy văn và giám sát biến đổi khí hậu

- Hoạt động trạm quan trắc khí tượng thủy văn của địa phương; thu thập dữ liệu khí tượng thủy văn địa phương;

- Dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn, truyền thông tin thiên tai trên địa bàn;

- Giám sát biến đổi khí hậu của địa phương;

- Xây dựng, quản lý thông tin, cơ sở dữ liệu khí tượng thủy văn và giám sát biến đổi khí hậu của địa phương.

g) Viễn thám

Xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu viễn thám ở địa phương (nếu có).

h) Đa dạng sinh học

Nhiệm vụ chi hoạt động kinh tế về đa dạng sinh học của địa phương theo khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 160/2014/TTLT-BTC-BTNMT ngày 29 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính và Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước thực hiện các nhiệm vụ, dự án theo Chiến lược quốc gia về đa dạng sinh học đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

i) Các nhiệm vụ chi khác

- Lập, điều chỉnh nhiệm vụ quy hoạch các lĩnh vực theo quy định của pháp luật;

- Xây dựng, điều chỉnh chiến lược, kế hoạch về tài nguyên môi trường; thống kê các chỉ tiêu tài nguyên môi trường của địa phương (không bao gồm thống kê lĩnh vực môi trường chi từ nguồn sự nghiệp bảo vệ môi trường);

- Xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật, đơn giá sản phẩm về quản lý đất đai, đo đạc và bản đồ, địa chất và khoáng sản, tài nguyên nước, biển và hải đảo, khí tượng thủy văn và giám sát biến đổi khí hậu, viễn thám, đa dạng sinh học, nhiệm vụ chi khác (nếu có) thuộc nhiệm vụ của địa phương;

- Xây dựng, tích hợp, lưu trữ, quản lý cơ sở dữ liệu chung về tài nguyên của địa phương theo quy định của pháp luật chuyên ngành; ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác điều tra, đánh giá, quản lý tài nguyên theo quy định của pháp luật chuyên ngành, nội dung có tính chất chi thường xuyên từ nguồn kinh phí chi hoạt động kinh tế (nếu có);

- Tuyên truyền, phổ biến pháp luật của lĩnh vực theo quy định của pháp luật chuyên ngành được chi từ nguồn hoạt động kinh tế; tập huấn chuyên môn nghiệp vụ về tài nguyên môi trường của địa phương theo nội dung chi từ nguồn chi hoạt động kinh tế;

- Vốn đối ứng các dự án hợp tác quốc tế có tính chất chi thường xuyên từ nguồn hoạt động kinh tế về tài nguyên môi trường (nếu có);

- Sửa chữa lớn, mua sắm trang thiết bị phục vụ nhiệm vụ chuyên môn đối với đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực chi hoạt động kinh tế (trừ đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư được Nhà nước đặt hàng theo giá tính đủ chi phí bao gồm chi phí khấu hao tài sản cố định);

- Nhiệm vụ chi khác về quản lý đất đai, đo đạc và bản đồ, địa chất và khoáng sản, tài nguyên nước, biển và hải đảo, khí tượng thủy văn và giám sát biến đổi khí hậu, viễn thám, đa dạng sinh học, chi khác (nếu có) của địa phương.

3. Việc phân định các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường của ngân sách địa phương cho cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã, theo quy định của các pháp

luật chuyên ngành và do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định.

4. Điểm i khoản 1 và điểm i khoản 2 của Điều 4 này quy định chung các nhiệm vụ chi khác về tài nguyên môi trường, lĩnh vực nào có nhiệm vụ chi khác mới được tính, không tính tất cả các nhiệm vụ chi khác.

Điều 5. Mức chi

1. Mức chi thực hiện các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường thực hiện theo định mức, đơn giá, chế độ chi tiêu tài chính hiện hành do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

2. Một số mức chi cụ thể được quy định tại Phụ lục số 6 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 6. Lập, chấp hành và quyết toán ngân sách nhà nước

Việc lập dự toán, chấp hành và quyết toán kinh phí chi hoạt động kinh tế đối với các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

Thông tư này hướng dẫn cụ thể thêm một số nội dung như sau:

1. Lập dự toán

a) Lập dự toán thực hiện nhiệm vụ, dự án, đề án (gọi tắt là nhiệm vụ, dự án); bao gồm: Chi phí lập nhiệm vụ, dự án; chi phí thực hiện nhiệm vụ, dự án (gồm: Chi phí trực tiếp và chi phí quản lý chung); chi lập báo cáo tổng kết nhiệm vụ, dự án; chi phí khác. Trong đó:

- Chi phí thực hiện nhiệm vụ, dự án (hoặc hạng mục công việc của nhiệm vụ, dự án) có định mức kinh tế kỹ thuật và đơn giá: Dự toán được xác định bằng (=) khối lượng công việc nhân (x) với đơn giá dự toán được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quyết định;

- Chi phí thực hiện nhiệm vụ, dự án (hoặc hạng mục công việc của nhiệm vụ, dự án) chưa có định mức kinh tế kỹ thuật và đơn giá: Dự toán lập căn cứ vào nội dung công việc, khối lượng cần thực hiện, chế độ chi tiêu tài chính hiện hành và được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Lập dự toán nhiệm vụ, dự án (bao gồm nhiệm vụ, dự án về đa dạng sinh học từ nguồn kinh phí chi hoạt động kinh tế) thực hiện theo quy định từ Phụ lục số 01 đến Phụ lục số 06, ban hành kèm theo Thông tư này.

b) Đối với các nhiệm vụ chi khác: Việc lập dự toán thực hiện theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Trình tự lập dự toán ngân sách

Hàng năm, căn cứ vào hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước của các cấp có thẩm quyền, tình hình thực hiện dự toán năm trước, nội dung và khối lượng công việc cần thực hiện trong năm kế hoạch, định mức kinh tế kỹ

thuật, đơn giá, chế độ chi tiêu tài chính hiện hành và các quy định tại Thông tư này.

a) Ở Trung ương: Các đơn vị dự toán được giao nhiệm vụ lập dự toán các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường, kèm bản thuyết minh chi tiết căn cứ tính toán, báo cáo Bộ, cơ quan trung ương xem xét, tổng hợp vào dự toán ngân sách nhà nước của Bộ, cơ quan trung ương, gửi Bộ Tài chính tổng hợp, trình Chính phủ trình Quốc hội theo quy định.

Bộ Tài nguyên và Môi trường khi lập dự toán kinh phí các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường, bao gồm lập dự toán kinh phí cho điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản bổ sung từ tiền hoàn trả chi phí điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản, tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và tiền đầu tư của tổ chức, cá nhân theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản.

b) Ở địa phương: Các đơn vị dự toán được giao nhiệm vụ lập dự toán các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường, kèm bản thuyết minh chi tiết căn cứ tính toán, báo cáo đơn vị dự toán cấp I ở địa phương xem xét, tổng hợp vào dự toán ngân sách nhà nước của đơn vị dự toán cấp I, gửi cơ quan tài chính cùng cấp xem xét, tổng hợp báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định.

3. Phân bổ và giao dự toán

a) Ở Trung ương:

- Căn cứ dự toán ngân sách được cấp có thẩm quyền giao, Bộ, cơ quan trung ương phân bổ và giao dự toán ngân sách cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc, đồng thời gửi Bộ Tài chính, Kho bạc Nhà nước và Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch để thực hiện;

- Bộ Tài chính thực hiện kiểm tra dự toán của Bộ, cơ quan trung ương đã giao cho các đơn vị sử dụng ngân sách theo quy định.

b) Ở địa phương:

- Căn cứ dự toán ngân sách được cấp có thẩm quyền giao, đơn vị dự toán cấp I ở địa phương phân bổ và giao dự toán ngân sách cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc, gửi cơ quan tài chính cùng cấp, đồng thời gửi Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch để thực hiện;

- Cơ quan tài chính cùng cấp thực hiện kiểm tra dự toán của đơn vị dự toán cấp I đã giao cho các đơn vị sử dụng ngân sách theo quy định.

4. Về chấp hành dự toán

Căn cứ dự toán chi được cấp có thẩm quyền giao, các đơn vị thực hiện rút dự toán tại Kho bạc nhà nước nơi giao dịch, việc thực hiện kiểm soát, thanh toán các khoản chi hoạt động kinh tế đối với các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường

theo quy định của Bộ Tài chính về chế độ kiểm soát, thanh toán các khoản chi ngân sách nhà nước qua Kho bạc nhà nước và quy định của pháp luật hiện hành.

5. Xử lý số dư kinh phí cuối năm

Việc xử lý số dư cuối năm kinh phí chi hoạt động kinh tế đối với nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường, thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và hướng dẫn của Bộ Tài chính về công tác khoá sổ kế toán cuối năm và lập, báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước hàng năm.

6. Công tác quyết toán

a) Về hạch toán: Các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường quy định tại Thông tư này hạch toán vào loại các hoạt động kinh tế. Căn cứ nội dung hoạt động để hạch toán vào các khoản tương ứng, theo mục lục ngân sách nhà nước hiện hành;

b) Về quyết toán theo niên độ ngân sách hàng năm

Hết năm ngân sách, các đơn vị sử dụng ngân sách phải thực hiện công tác khoá sổ kế toán và lập báo cáo quyết toán. Trình tự lập, mẫu biểu báo cáo, thời gian nộp và trách nhiệm xét duyệt báo cáo quyết toán thực hiện theo quy định hiện hành;

Căn cứ các khoản chi ngân sách đã được Kho bạc Nhà nước kiểm soát chi theo khối lượng, công việc hoàn thành theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành để tổng hợp, lập quyết toán chi ngân sách theo niên độ ngân sách nhà nước theo quy định về khoản chi ngân sách nhà nước thường xuyên.

c) Về quyết toán giá trị nhiệm vụ, dự án hoàn thành

Đối với nhiệm vụ, dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt dự toán có thời hạn thực hiện trên 12 tháng, ngoài việc thực hiện quyết toán theo niên độ, các đơn vị còn phải thực hiện quyết toán nhiệm vụ, dự án hoàn thành theo các nội dung:

- Dự toán kinh phí được cấp có thẩm quyền phê duyệt cho nhiệm vụ, dự án;

- Báo cáo đánh giá, xác nhận nghiệm thu nhiệm vụ, dự án hoàn thành được cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, nghiệm thu đạt yêu cầu trở lên;

- Phiếu xác nhận giao nộp sản phẩm hoàn thành đảm bảo chất lượng theo quy định;

- Kinh phí ngân sách nhà nước bố trí cho nhiệm vụ, dự án được duyệt quyết toán;

- Số kinh phí ngân sách đã cấp (theo từng năm);

- Số kinh phí được quyết toán so với số kinh phí đã cấp, trường hợp thừa nộp lại ngân sách theo niên độ ngân sách nhà nước vào năm nộp ngân sách nhà nước.

Đối với nhiệm vụ, dự án thuộc danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo quyết định của cấp có thẩm quyền, thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên.

Điều 7. Công tác kiểm tra

Bộ Tài nguyên và Môi trường, các Bộ, cơ quan trung ương, các địa phương, cơ quan tài nguyên và môi trường ở địa phương chủ trì, phối hợp với cơ quan tài chính cùng cấp kiểm tra định kỳ, đột xuất tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao; việc quản lý sử dụng, thanh quyết toán kinh phí tại các đơn vị trực thuộc, nhằm bảo đảm sử dụng kinh phí được giao đúng mục đích, có hiệu quả.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 6 tháng 2 năm 2018.

2. Các Thông tư sau đây hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, gồm:

a) Thông tư liên tịch số 83/2003/TTLT-BTC-BTNMT ngày 27 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính - Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc phân cấp, quản lý và thanh quyết toán kinh phí đo đạc bản đồ và quản lý đất đai;

b) Thông tư liên tịch số 04/2007/TTLT-BTNMT-BTC ngày 27 tháng 2 năm 2007 của Bộ Tài nguyên và Môi trường - Bộ Tài chính về hướng dẫn lập dự toán kinh phí công tác đo đạc, lập bản đồ và quản lý đất đai.

c) Thông tư liên tịch số 118/2008/TTLT-BTC-BTNMT ngày 05 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài chính - Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí sự nghiệp kinh tế đối với hoạt động quản lý tài nguyên nước;

d) Thông tư liên tịch số 40/2009/TTLT-BTC-BTNMT ngày 05 tháng 3 năm 2009 của Bộ Tài chính - Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí sự nghiệp kinh tế đối với các nhiệm vụ chi thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản.

3. Đối với nhiệm vụ, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt dự toán nhưng có thời gian thực hiện sau ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì cấp có thẩm quyền phê duyệt dự toán phê duyệt điều chỉnh nội dung công việc của nhiệm vụ, dự án chưa thực hiện theo quy định tại Thông tư này.

4. Đối với các nhiệm vụ chi tài nguyên môi trường từ nguồn kinh phí hoạt động kinh tế không quy định tại Thông tư này thì thực hiện theo các văn bản hướng dẫn hiện hành.

5. Chi thường xuyên và chi nhiệm vụ không thường xuyên của các đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực chi hoạt động kinh tế về tài nguyên môi trường

thực hiện theo Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác và văn bản hướng dẫn.

6. Các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật mới thì áp dụng theo các văn bản mới đó.

7. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh về Bộ Tài chính để nghiên cứu sửa đổi cho phù hợp./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Trần Xuân Hà

Nơi nhận:
- VP Tổng Bí thư;
- VP Quốc hội;
- VP Chủ tịch nước;
- VP Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ
- Cơ quan trung ương của các Hội, đoàn thể;
- VP Ủy ban Phòng chống tham nhũng;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở TN và MT các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Sở Tài chính, KBNN các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Công báo ; Website Chính phủ;
- Website Bộ Tài chính;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, Vụ HCSN. (350b)

Phụ lục 01

DỰ TOÁN NHIỆM VỤ, DỰ ÁN CHI HOẠT ĐỘNG KINH TẾ VỀ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 136/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính)

Số TT	Các khoản mục chi phí	Phương pháp lập dự toán
1	Chi phí lập nhiệm vụ, dự án	01 *(theo Phụ lục 4, Phụ lục 6)*
2	Chi phí thực hiện nhiệm vụ, dự án	2 = a+b+ *(theo Phụ lục 2, Phụ lục 3, Phụ lục 4, Phụ lục 5 và Phụ lục 6)*
a	Hạng mục công việc...	a
b	Hạng mục công việc...	b
	...	
3	Chi phí lập báo cáo tổng kết nhiệm vụ, dự án	3 *(theo Phụ lục 4, Phụ lục 6)*
4	Các chi phí khác	4=a+b+c *(theo Phụ lục 4, Phụ lục 6)*
a	Chi kiểm tra, nghiệm thu nhiệm vụ, dự án	a
b	Chi phí nộp lưu trữ	b
c	Chi phí khác có liên quan trực tiếp đến nhiệm vụ, dự án (nếu có)	c
	Dự toán nhiệm vụ, dự án	**DT = 1+2+3+4**

Ghi chú: Khi lập dự toán chỉ tính các chi phí cần thiết có liên quan đến thực hiện nhiệm vụ, dự án, không tính toàn bộ các khoản mục chi phí nêu trên.

Phụ lục 02

DỰ TOÁN CHI PHÍ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ, DỰ ÁN
(HOẶC HẠNG MỤC CÔNG VIỆC CỦA NHIỆM VỤ, DỰ ÁN)
CÓ ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT
(Ban hành kèm theo Thông tư số 136 /2017/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính)

TT	Nội dung, cách tính	Kết quả
A	**Đơn giá sản phẩm**	A = I+II
I	**Chi phí trực tiếp**	I = 1+2+3+4+5+6
1	Chi phí nhân công:	1 = a+b
a	Chi phí lao động kỹ thuật (LĐKT): *Số công theo định mức x đơn giá công LĐKT*	a
b	Chi phí lao động phổ thông (LĐPT): *Số công theo định mức x đơn giá công LĐPT*	b
2	Chi phí vật liệu: *Định mức vật liệu x đơn giá vật liệu*	2
3	Chi phí công cụ, dụng cụ: *Số ca sử dụng theo định mức x đơn giá công cụ, dụng cụ*	3
4	Chi phí năng lượng: *Định mức tiêu hao x đơn giá do Nhà nước quy định*	4
5	Chi phí nhiên liệu: *Định mức tiêu hao x đơn giá do Nhà nước quy định*	5
6	Chi phí khấu hao tài sản cố định theo quy định hiện hành *(chỉ tính cho doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư)*	6
II	**Chi phí quản lý chung**	II = I x %
B	**Chi phí thực hiện nhiệm vụ, dự án (hoặc hạng mục công việc của nhiệm vụ, dự án) theo đơn giá:** *Khối lượng công việc x đơn giá sản phẩm*	B= KL x A

Ghi chú: Khi lập dự toán chỉ tính các nội dung chi cần thiết có liên quan đến nhiệm vụ, dự án phải thực hiện, không tính toàn bộ các khoản mục chi phí nêu trên.

Phụ lục 03

DỰ TOÁN CHI PHÍ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ, DỰ ÁN (HOẶC HẠNG MỤC CÔNG VIỆC CỦA NHIỆM VỤ, DỰ ÁN) CHƯA CÓ ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 136 /2017/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính)

STT	Nội dung, cách tính	Kết quả
I	**Chi phí trực tiếp**	I = 1+2+3+4+5+6
1	Chi phí nhân công:	1 = a+b
a	Chi phí công lao động kỹ thuật (LĐKT): *Số công LĐKT cần thiết x đơn giá công LĐKT*	a
b	Chi phí lao động phổ thông (LĐPT): *Số công cần thiết thuê ngoài x đơn giá công LĐPT*	b
2	Chi phí vật liệu: *Khối lượng vật liệu cần sử dụng x đơn giá vật liệu*	2
3	Chi phí công cụ, dụng cụ: *Số ca thực tế cần sử dụng x đơn giá công cụ, dụng cụ*	3
4	Chi phí năng lượng: *Lượng tiêu thụ cần thiết x đơn giá do Nhà nước quy định*	4
5	Chi phí nhiên liệu: *Khối lượng cần sử dụng x đơn giá do Nhà nước quy định*	5
6	Chi phí khấu hao tài sản cố định theo quy định hiện hành (*chỉ tính cho doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư*)	6
II	**Chi phí quản lý chung**	II = I x %
III	**Chi phí thực hiện nhiệm vụ, dự án (hoặc hạng mục công việc của nhiệm vụ, dự án)**	III = I+II

Ghi chú: Khi lập dự toán chỉ tính các nội dung chi cần thiết có liên quan đến nhiệm vụ, dự án phải thực hiện, không tính toàn bộ các khoản mục chi phí nêu trên.

Phụ lục 04

LẬP DỰ TOÁN CÁC KHOẢN CHI PHÍ CỦA NHIỆM VỤ, DỰ ÁN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 136 /2017/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính)

I. Dự toán chi phí lập nhiệm vụ, dự án

1. Chi phí lập nhiệm vụ, dự án: gồm chi phí lập đề cương nhiệm vụ, dự án; chi phí thu thập, khảo sát, lấy và gia công phân tích một số mẫu phục vụ lập đề cương (theo quy trình quy phạm kỹ thuật nếu có); phân tích tư liệu, kết quả khảo sát; lựa chọn giải pháp kỹ thuật, thiết kế phương án thi công, tính toán khối lượng công việc và lập dự toán kinh phí; họp hội đồng xét duyệt đề cương, xin ý kiến thẩm định, hoàn thiện cho đến khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

a) Đối với nhiệm vụ, dự án có định mức kinh tế kỹ thuật và đơn giá dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt: Dự toán chi phí được tính trên cơ sở khối lượng (x) đơn giá dự toán.

b) Đối với nhiệm vụ, dự án chưa có định mức kinh tế kỹ thuật và đơn giá dự toán: Dự toán chi phí tính theo tỷ lệ % trên chi phí trực tiếp nhiệm vụ, dự án; mức cụ thể như sau:

Hạng mục công việc	Chi phí trực tiếp (tỷ đồng)									
	≤ 5	10	15	20	25	30	35	40	45	50
Nhóm I (%)	3,88	3,00	2,29	1,98	1,74	1,56	1,39	1,23	1,10	1,00
Nhóm II (%)	3,54	2,10	1,70	1,40	1,15	1,00	0,93	0,84	0,76	0,70
Nhóm III (%)	1,60	1,00	0,80	0,70	0,64	0,58	0,53	0,48	0,44	0,40

Đối với nhiệm vụ, dự án có chi phí thực hiện lớn hơn 50 tỷ đồng, thì cứ 1 tỷ đồng tăng thêm được bổ sung 0,003 của phần tăng thêm.

Đối với nhiệm vụ, dự án có chi phí thực hiện nằm trong các khoảng của hai giá trị quy định trong bảng trên được tính theo phương pháp nội suy như sau:

$$Ki = Kb - \frac{(Kb - Ka)}{Ga - Gb} \times (Gi - Gb)$$

Trong đó: Ki: Chi phí lập nhiệm vụ, dự án cần tính (tỷ lệ %); Ka: Chi phí lập nhiệm vụ, dự án cận trên (tỷ lệ %); Kb: Chi phí lập nhiệm vụ, dự án cận dưới (tỷ lệ %); Gi: Kinh phí của nhiệm vụ, dự án cần tính (tỷ đồng); Ga: Kinh phí của nhiệm vụ, dự án cận trên (tỷ đồng); Gb: Kinh phí của nhiệm vụ, dự án cận dưới (tỷ đồng).

Trong trường hợp nhiệm vụ, dự án được lập và phê duyệt thành hai bước (bước xây dựng và trình phê duyệt tổng thể dự án; bước lập và trình phê duyệt thiết kế kỹ thuật - dự toán), dự toán kinh phí lập nhiệm vụ, dự án phân bổ cho từng bước công việc do các Bộ, địa phương quyết định trong tổng kinh phí lập nhiệm vụ, dự án theo tỷ lệ nêu trên.

Chi phí lập nhiệm vụ, dự án theo tỷ lệ % trên chi phí trực tiếp tại bảng số liệu nêu trên là tính cho nhiệm vụ, dự án theo quy định có tất cả các chi phí lập nhiệm vụ, dự án quy định tại khoản 1 nêu trên; do vậy khi lập dự toán chỉ tính các chi phí mà nhiệm vụ, dự án phải thực hiện, không tính tất cả các chi phí nêu trên nếu không phải thực hiện (ví dụ như chi phí thu thập, khảo sát, lấy và gia công phân tích một số mẫu phục vụ lập đề cương; phân tích tư liệu, kết quả khảo sát; lựa chọn giải pháp kỹ thuật, thiết kế phương án thi công). Căn cứ vào nội dung công việc, khối lượng thực hiện, chế độ tài chính hiện hành và một số mức chi quy định tại Phụ lục 6 kèm theo Thông tư này, để dự toán kinh phí lập nhiệm vụ, dự án trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Đối với các nhiệm vụ thường xuyên hàng năm (như duy trì hoạt động của hệ thống quan trắc, giám sát tài nguyên môi trường; hệ thống điểm đo đạc quốc gia, điểm đo đạc cơ sở chuyên dụng; trạm thu ảnh viễn thám quốc gia; xây dựng, điều chỉnh kế hoạch, thống kê các chỉ tiêu tài nguyên môi trường; xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật, đơn giá sản phẩm; tuyên truyền, phổ biến pháp luật; tập huấn chuyên môn nghiệp vụ; cập nhật, lưu trữ, duy trì quản lý thông tin, cơ sở dữ liệu về tài nguyên môi trường; nhiệm vụ thường xuyên khác nếu có) và các nhiệm vụ không thường xuyên (như bảo trì hệ thống trạm thu ảnh viễn thám quốc gia, mua dữ liệu viễn thám, sửa chữa lớn, mua sắm trang thiết bị, và nhiệm vụ không thường xuyên khác nếu có), thực hiện theo quy định hiện hành, không tính dự toán lập nhiệm vụ.

Trường hợp nhiệm vụ cần thiết (nếu có) được cấp có thẩm quyền phê duyệt phải có chi phí lập nhiệm vụ, được tính theo khối lượng công việc thực hiện cụ thể và chế độ chi tiêu tài chính hiện hành.

II. Lập dự toán chi phí thực hiện nhiệm vụ, dự án

1. Lập dự toán chi phí thực hiện nhiệm vụ, dự án (hoặc hạng mục công việc của nhiệm vụ, dự án) có định mức kinh tế kỹ thuật và đơn giá sản phẩm:

Dự toán chi phí thực hiện nhiệm vụ, dự án (hoặc hạng mục công việc của nhiệm vụ, dự án): Đơn giá sản phẩm bằng (=) Chi phí trực tiếp cộng (+) Chi phí quản lý chung.

a) Chi phí trực tiếp: Là các khoản mục chi phí trực tiếp, gồm: chi phí nhân công; chi phí vật liệu; chi phí công cụ, dụng cụ; chi phí năng lượng; chi phí nhiên liệu; chi phí khấu hao tài sản cố định. Cách tính như sau:

- Chi phí nhân công: Gồm chi phí lao động kỹ thuật và chi phí lao động phổ thông (nếu có) tham gia trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, dự án.

+ Chi phí lao động kỹ thuật bằng (=) số công lao động kỹ thuật theo định mức nhân (x) đơn giá ngày công lao động kỹ thuật.

Trong đó:

$$\text{Đơn giá ngày công lao động kỹ thuật} = \frac{\text{Tiền lương một tháng theo cấp bậc kỹ thuật quy định trong định mức} + \text{Các khoản phụ cấp, đóng góp 01 tháng theo chế độ}}{\text{26 ngày công/tháng}}$$

Tiền lương 01 tháng theo cấp bậc kỹ thuật quy định trong định mức thực hiện theo hệ số lương ban hành theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang và văn bản sửa đổi, thay thế (nếu có); mức lương cơ sở theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Các khoản phụ cấp, đóng góp theo chế độ: Phụ cấp lương; các khoản đóng góp theo lương theo chế độ quy định hiện hành; phụ cấp trách nhiệm; phụ cấp lưu động; phụ cấp độc hại nguy hiểm; phụ cấp khu vực; phụ cấp đặc biệt; phụ cấp khác (nếu có) theo chế độ quy định hiện hành; lương phụ (nếu có) theo chế độ quy định của pháp luật hiện hành.

Khi lập dự toán các nhiệm vụ, dự án chỉ tính các khoản phụ cấp theo chế độ được hưởng theo quy định của Nhà nước và theo các Thông tư hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp hiện hành, không tính toàn bộ các khoản phụ cấp nêu trên trong nhiệm vụ, dự án.

+ Chi phí lao động phổ thông bằng (=) số công lao động phổ thông theo định mức nhân (x) đơn giá ngày công lao động phổ thông.

Trong đó đơn giá ngày công lao động phổ thông: Đối với nhiệm vụ do ngân sách trung ương đảm bảo lấy theo giá bình quân chung của khu vực thi công trong năm; đối với nhiệm vụ do ngân sách địa phương đảm bảo theo giá ngày công lao động phổ thông do từng địa phương quy định.

- Chi phí vật liệu: Là giá trị vật liệu chính, vật liệu phụ dùng trực tiếp trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, dự án.

Chi phí vật liệu bằng (=) Tổng số lượng từng loại vật liệu theo định mức nhân (x) đơn giá từng loại vật liệu.

Trong đó đơn giá vật liệu: Đối với nhiệm vụ do ngân sách trung ương đảm bảo, căn cứ theo giá trung bình của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có khu vực thi công trong năm; đối với nhiệm vụ do ngân sách địa phương đảm bảo, căn cứ theo giá thị trường tại địa phương.

- Chi phí công cụ, dụng cụ: Là giá trị công cụ, dụng cụ được phân bổ trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, dự án.

Chi phí công cụ, dụng cụ	=	Số ca sử dụng công cụ, dụng cụ theo định mức	x	Đơn giá sử dụng công cụ, dụng cụ phân bổ cho 01 ca

Trong đó:

$$\text{Đơn giá sử dụng công cụ, dụng cụ phân bổ cho 01 ca} = \frac{\text{Đơn giá công cụ dụng cụ}}{\text{Niên hạn sử dụng công cụ, dụng cụ theo định mức (tháng)} \times \text{26 ngày}}$$

Đơn giá công cụ, dụng cụ: như cách xác định đơn giá vật liệu nêu trên.

- Chi phí năng lượng: Là chi phí sử dụng năng lượng dùng cho máy móc thiết bị vận hành trong thời gian thực hiện nhiệm vụ, dự án.

Chi phí năng lượng bằng (=) Năng lượng tiêu hao theo định mức nhân (x) đơn giá do Nhà nước quy định.

- Chi phí nhiên liệu: Là chi phí sử dụng nhiên liệu trong thời gian thực hiện nhiệm vụ, dự án.

Chi phí nhiên liệu bằng (=) Số lượng nhiên liệu tiêu hao theo định mức nhân (x) đơn giá do Nhà nước quy định.

- Chi phí khấu hao khấu hao tài sản cố định theo quy định hiện hành về khấu hao tài sản cố định đối với đơn vị sự nghiệp công lập và theo lộ trình kết cấu chi phí khấu hao tài sản cố định vào giá sản phẩm do cấp có thẩm quyền quy định.

Trong đó chi phí khấu hao máy móc thiết bị là hao phí về máy móc thiết bị sử dụng trong thời gian thực hiện nhiệm vụ, dự án. Chi phí khấu hao máy móc thiết bị bằng (=) Số ca máy theo định mức nhân (x) Mức khấu hao một ca máy.

Trong đó

$$\text{Mức khấu hao một ca máy} = \frac{\text{Nguyên giá}}{\text{Số ca máy sử dụng một năm} \times \text{Số năm sử dụng}}$$

Số ca máy sử dụng một năm: Máy ngoại nghiệp là 250 ca (riêng thiết bị đo biển là 200 ca); máy nội nghiệp là 500 ca.

b) Chi phí quản lý chung: Theo khoản 3 dưới đây.

2. Lập dự toán chi phí thực hiện nhiệm vụ, dự án (hoặc hạng mục công việc của nhiệm vụ, dự án) chưa có định mức kinh tế kỹ thuật và đơn giá sản phẩm

Dự toán chi phí thực hiện nhiệm vụ, dự án (hoặc hạng mục công việc của nhiệm vụ, dự án) bằng (=) Chi phí trực tiếp cộng (+) Chi phí quản lý chung.

a) Chi phí trực tiếp: Là các khoản mục chi phí trực tiếp, gồm: chi phí nhân công; chi phí vật liệu; chi phí công cụ, dụng cụ; chi phí năng lượng; chi phí nhiên liệu; chi phí khấu hao tài sản cố định. Cách tính như sau:

- Chi phí nhân công: Gồm chi phí lao động kỹ thuật và chi phí lao động phổ thông (nếu có) tham gia trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, dự án.

+ Chi phí lao động kỹ thuật bằng (=) số công lao động kỹ thuật thực tế cần thiết nhân (x) đơn giá ngày công lao động kỹ thuật theo cấp bậc kỹ thuật phù hợp.

Trong đó đơn giá ngày công lao động kỹ thuật như cách xác định đơn giá ngày công lao động kỹ thuật của nhiệm vụ, dự án (hoặc hạng mục công việc của nhiệm vụ, dự án) có định mức kinh tế kỹ thuật quy định tại điểm a khoản 1 phần II nêu trên.

+ Chi phí lao động phổ thông bằng (=) số công lao động phổ thông cần thuê ngoài nhân (x) đơn giá ngày công lao động phổ thông.

- Chi phí vật liệu: Là giá trị vật liệu chính, vật liệu phụ dùng trực tiếp trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, dự án.

Chi phí vật liệu bằng (=) Tổng số lượng từng vật liệu cần sử dụng nhân (x) đơn giá từng loại vật liệu.

- Chi phí công cụ, dụng cụ: Là giá trị công cụ, dụng cụ được phân bổ trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, dự án.

Chi phí công cụ, dụng cụ bằng (=) Số ca sử dụng công cụ, dụng cụ cần thiết nhân (x) Đơn giá sử dụng công cụ, dụng cụ phân bổ cho 01 ca.

Trong đó đơn giá ngày công lao động phổ thông; đơn giá vật liệu, công cụ, dụng cụ như cách xác định tại điểm a khoản 1 phần II nêu trên.

- Chi phí năng lượng: Là chi phí sử dụng năng lượng dùng cho máy móc thiết bị vận hành trong thời gian thực hiện nhiệm vụ, dự án.

Chi phí năng lượng bằng (=) Năng lượng tiêu hao cần thiết nhân (x) đơn giá do Nhà nước quy định.

- Chi phí nhiên liệu: Là chi phí sử dụng nhiên liệu trong thời gian thực hiện nhiệm vụ, dự án.

Chi phí nhiên liệu bằng (=) Số lượng nhiên liệu tiêu hao theo định mức nhân (x) đơn giá do Nhà nước quy định.

- Chi phí khấu hao tài sản cố định như quy định tại điểm a khoản 1 phần II nêu trên.

b) Chi phí quản lý chung: Theo Khoản 3 dưới đây.

3. Chi phí quản lý chung

Chi phí quản lý chung, gồm: chi phí tiền lương, phụ cấp lương và các khoản đóng góp theo chế độ (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn) cho bộ máy quản lý; chi phí điện, nước, điện thoại,

xăng xe, công tác phí, văn phòng phẩm, công cụ, dụng cụ cho bộ máy quản lý; chi phí sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị, công cụ, dụng cụ đối với đơn vị sự nghiệp công lập (hoặc chi phí khấu hao tài sản cố định phục vụ bộ máy quản lý đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư; doanh nghiệp thực hiện); chi hội nghị triển khai, sơ kết, tổng kết của đơn vị; chi phí chuyển quân; chi phí làm nhà tạm (hoặc thuê nhà trọ) cho lực lượng thi công; chi phí kiểm tra, nghiệm thu, bàn giao sản phẩm của đơn vị thực hiện và các chi phí khác mang tính chất quản lý có liên quan đến thực hiện nhiệm vụ, dự án.

a) Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập (đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư; đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên); doanh nghiệp tham gia thực hiện nhiệm vụ, dự án, chi phí quản lý chung được xác định theo tỷ lệ % tính trên chi phí trực tiếp, quy định cho từng nhóm công việc như sau:

Nhóm công việc	Nhiệm vụ, dự án (hoặc hạng mục công việc có định mức kinh tế kỹ thuật)	Nhiệm vụ, dự án (hoặc hạng mục công việc không có định mức kinh tế kỹ thuật)
1. Ngoại nghiệp		
Nhóm I	28%	23%
Nhóm II	25%	18%
Nhóm III	20%	15%
2. Nội nghiệp (nhóm I, II, III)	15%	12%

Trong đó:

* Ngoại nghiệp: gồm toàn bộ các công việc thực hiện ở thực địa.

* Nội nghiệp: gồm toàn bộ các công việc thực hiện trong phòng làm việc.

Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện nhiệm vụ, dự án theo đơn giá không tính chi phí khấu hao tài sản cố định, thì chi phí quản lý chung được tính theo tỷ lệ % trên chi phí trực tiếp (không bao gồm chi phí khấu hao tài sản cố định).

Việc phân bổ chi phí quản lý chung cho các nội dung chi phí cụ thể tại khoản 3 nêu trên, do các Bộ, cơ quan trung ương và các địa phương quyết định.

b) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập, cơ quan quản lý nhà nước đã được ngân sách nhà nước cấp kinh phí chi thường xuyên, thực hiện nhiệm vụ, dự án (nếu có): được tính chi phí quản lý chung tối đa 25 triệu đồng/năm/nhiệm vụ, dự án, đối với nhiệm vụ, dự án có tổng chi phí trực tiếp đến 5 tỷ đồng; trường hợp nhiệm vụ, dự án có tổng chi phí trực tiếp lớn hơn 5 tỷ đồng thì cứ 1 tỷ đồng tăng thêm được bổ sung 0,003 của phần tăng thêm.

Trường hợp nhiệm vụ, dự án có chi phí chuyển quân, chi phí làm nhà tạm (hoặc thuê nhà trọ) cho lực lượng thi công, chi phí kiểm tra, nghiệm thu, bàn giao sản phẩm của đơn vị thực hiện và các chi phí khác có liên quan đến thực hiện nhiệm vụ, dự án (nếu có), đơn vị lập dự toán ở khoản mục các chi phí khác, theo khối lượng công việc thực hiện cụ thể, chế độ chi tiêu hiện hành và được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

* Đối với nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương, căn cứ vào tình hình thực tế thực hiện nhiệm vụ, dự án và khả năng của ngân sách địa phương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo thẩm quyền quy định tại Luật Ngân sách nhà nước, quy định tỷ lệ chi phí quản lý chung cho phù hợp, nhưng không vượt quá tỷ lệ chi phí quản lý chung quy định trên đây.

III. Dự toán chi phí lập báo cáo tổng kết nhiệm vụ, dự án (chỉ áp dụng đối với nhiệm vụ, dự án phải lập báo cáo tổng kết theo quy định của cấp có thẩm quyền)

1. Dự toán chi phí lập báo cáo tổng kết nhiệm vụ, dự án theo mức quy định tại phụ lục 6 kèm theo Thông tư này.

Đối với nhiệm vụ, dự án theo quy định của cấp có thẩm quyền lập báo cáo tổng kết bao gồm có lập các loại tài liệu, bản vẽ chuyên môn có liên quan đến báo cáo, các nội dung khác (nếu có) thì được tính thêm kinh phí của các nội dung có liên quan trên theo khối lượng công việc và chế độ chi tiêu hiện hành.

2. Riêng lập báo cáo tổng kết nhiệm vụ, dự án điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản (bao gồm các khoản chi phí thu thập tài liệu bổ sung, chỉnh lý, tổng hợp tài liệu trong phòng và viết báo cáo kết quả thực hiện dự án; thành lập các loại tài liệu, bản vẽ chuyên môn liên quan đến báo cáo cho đến khi hoàn thành sản phẩm để nộp vào lưu trữ nhà nước theo quy định) lập dự toán như sau:

a) Đối với nhiệm vụ, dự án có định mức kinh tế kỹ thuật và đơn giá dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt: Dự toán lập báo cáo tổng kết tính trên cơ sở khối lượng nhân (x) đơn giá dự toán.

b) Đối với nhiệm vụ, dự án chưa có định mức kinh tế kỹ thuật và đơn giá dự toán: Dự toán chi phí lập báo cáo tổng kết tính theo tỷ lệ % trên chi phí thực hiện nhiệm vụ, dự án, cụ thể như sau:

Loại công việc	Chi phí thực hiện nhiệm vụ, dự án (tỷ đồng)									
	≤ 3	5	10	15	20	30	35	40	45	50
Nhóm I	7,93	7,14	6,03	4,00	2,75	2,08	1,75	1,42	1,16	1,00
Nhóm II	7,93	6,43	6,03	3,20	2,20	1,67	1,40	1,13	0,93	0,80
Nhóm III	3,00	2,63	2,50	2,40	1,65	1,25	1,05	0,85	0,69	0,60

Đối với nhiệm vụ, dự án có chi phí thực hiện lớn hơn 50 tỷ đồng, thì cứ 01 tỷ đồng tăng thêm được bổ sung 0,015 của phần tăng thêm.

Đối với nhiệm vụ, dự án có chi phí thực hiện nằm trong các khoảng của hai giá trị quy định trong bảng trên được tính theo phương pháp nội suy như điểm b khoản 1 phần I nêu trên.

IV. Lập dự toán các chi phí khác

1. Chi phí kiểm tra, nghiệm thu nhiệm vụ, dự án: Là chi phí để kiểm tra, giám sát trong quá trình thi công, thẩm định, tổ chức nghiệm thu khối lượng, chất lượng sản phẩm hoàn thành theo quy chế kiểm tra, nghiệm thu của cấp có thẩm quyền và tổ chức thẩm định, xét duyệt nhiệm vụ, dự án hoàn thành.

a) Lập dự toán chi phí kiểm tra, nghiệm thu tính theo tỷ lệ (%) trên chi phí thực hiện nhiệm vụ, dự án (gồm: chi phí trực tiếp và chi phí quản lý chung) như sau:

- Nhiệm vụ, dự án về quản lý đất đai; đo đạc và bản đồ: Chi phí kiểm tra, nghiệm thu được tính trên chi phí thực hiện nhiệm vụ, dự án như sau: Nhóm I: Ngoại nghiệp: 3%, nội nghiệp: 2%; nhóm II: Ngoại nghiệp: 4%; nội nghiệp: 3%; nhóm III: Ngoại nghiệp: 5%; nội nghiệp: 4%.

- Nhiệm vụ, dự án về địa chất và khoáng sản; tài nguyên nước: Chi phí kiểm tra, nghiệm thu được tính tối đa không quá 1,5% trên chi phí thực hiện nhiệm vụ, dự án.

- Đối với các nhiệm vụ, dự án về biển và hải đảo; khí tượng thủy văn và giám sát biến đổi khí hậu; viễn thám; đa dạng sinh học và nhiệm vụ chi khác (nếu có): Căn cứ quy chế kiểm tra, nghiệm thu do cấp có thẩm quyền ban hành, đơn vị lập dự toán chi phí kiểm tra, nghiệm thu theo khối lượng công việc cụ thể, chế độ chi tiêu hiện hành và được cấp có thẩm quyền phê duyệt; nhưng tối đa không vượt quá 1,5% trên chi phí thực hiện nhiệm vụ, dự án.

b) Đối với các nhiệm vụ theo quy định của cấp có thẩm quyền không phải kiểm tra, nghiệm thu, thì không được tính dự toán kinh phí kiểm tra, nghiệm thu tại Điểm a Khoản 1 nêu trên.

2. Chi phí nộp lưu trữ (nếu có): Dự toán được xác định trên cơ sở khối lượng công việc cụ thể, chế độ chi tiêu hiện hành (bao gồm chi phí khác theo quy định nếu có như mua hòm, ống đựng tài liệu, đóng quyển, đĩa lưu giữ số liệu, báo cáo, giao nộp mẫu vật lưu tại đơn vị và cơ quan nhà nước theo quy định)

3. Chi phí vận chuyển lao động và thiết bị từ trụ sở đơn vị thực hiện đến địa điểm tập kết công trình (vận chuyển ngoài vùng thực hiện nhiệm vụ, dự án): Dự toán được tính theo khối lượng thực tế thực hiện và chế độ chi tiêu hiện hành

4. Dự toán chi phí ăn định lượng trên biển và chi phí mua nước ngọt khi làm việc ở vùng thiếu nước ngọt theo chế độ quy định của Nhà nước.

5. Chi phí bồi thường thiệt hại về tài sản, hoa màu trên đất (nếu có): Căn cứ vào giá đền bù của địa phương và quy định hiện hành của nhà nước.

6. Chi phí thuê tàu, thuyền (chỉ tính đối với nhiệm vụ, dự án thi công trên sông, biển và cho đơn vị không có tàu, thuyền): Thời gian thuê tàu, thuyền căn

cứ vào thời gian thi công trên sông, biển; đơn giá thuê tàu, thuyền theo giá địa phương có xác nhận của cơ quan tài chính hoặc của chính quyền sở tại, để xác định dự toán thuê tàu, thuyền.

7. Các khoản chi phí khác, gồm: thuê máy móc, thiết bị, phương tiện thi công (chỉ tính trong trường hợp đơn vị thực hiện không có đủ máy móc, thiết bị, phương tiện thi công theo danh mục quy định trong định mức kinh tế kỹ thuật; không tính thuê cho đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, doanh nghiệp thực hiện do đơn giá đã tính chi phí khấu hao tài sản cố định); chi làm đường tạm, sửa đường, làm nền khoan (chỉ tính cho nhiệm vụ, dự án theo quy định của cấp có thẩm quyền phải làm); mua tài liệu, số liệu; chuyên gia, công tác phí (nếu có) và một số khoản chi khác có liên quan trực tiếp đến nhiệm vụ, dự án (nếu có): Dự toán tính theo khối lượng thực tế thực hiện và chế độ chi tiêu hiện hành.

Ghi chú: Khi lập dự toán chỉ tính chi phí khác có liên quan đến thực hiện nhiệm vụ, dự án, không tính toàn bộ các khoản mục chi phí khác nêu trên.

V. Một số nội dung khác

1. Khi lập dự toán tại Phụ lục 2, Phụ lục 3 và Phụ lục 4 (tại Khoản 1 và Khoản 2 Phần II) nêu trên đối với nhiệm vụ, dự án do đơn vị sự nghiệp công lập, cơ quan quản lý nhà nước đã được ngân sách nhà nước cấp tiền lương, phụ cấp lương, các khoản đóng góp theo chế độ, chi thường xuyên (bao gồm đơn vị chi thường xuyên từ nguồn thu phí được để lại theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí nếu được thực hiện nhiệm vụ, dự án), thì dự toán của nhiệm vụ, dự án không tính chi phí công lao động kỹ thuật cho số biên chế, cán bộ, viên chức của cơ quan, đơn vị trong thời gian tham gia nhiệm vụ, dự án (được tính làm thêm giờ theo chế độ quy định hiện hành, trong chi phí nhân công) và chi phí quản lý chung phải trừ kinh phí chi thường xuyên của số biên chế, cán bộ, viên chức trong thời gian tham gia nhiệm vụ, dự án và không tính chi phí khấu hao tài sản cố định.

2. Đối với chi phí lập nhiệm vụ, dự án; chi phí thực hiện nhiệm vụ, dự án (hoặc hạng mục công việc của nhiệm vụ, dự án); chi phí lập báo cáo tổng kết và các chi phí khác ở Phụ lục 4 này, chưa có định mức kinh tế kỹ thuật và đơn giá dự toán: căn cứ theo khối lượng thực hiện, chi phí thực tế, chế độ chi tiêu hiện hành của Nhà nước và trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, quyết toán theo quy định hiện hành.

3. Phân loại công việc lập nhiệm vụ, dự án; chi phí chung; lập báo cáo tổng kết; kiểm tra, nghiệm thu theo các nhóm I, nhóm II, nhóm III theo phụ lục 5 kèm theo Thông tư này.

4. Đối với nhiệm vụ lập, điều chỉnh quy hoạch tại Điểm i Khoản 1 và Điểm i Khoản 2 Điều 4 Thông tư này theo nội dung quy định tại Thông tư số 24/2008/TT-BTC ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí sự nghiệp kinh tế thực hiện các nhiệm

vụ, dự án quy hoạch; Thông tư số 01/2012/TT-BKHĐT ngày 9 tháng 2 năm 2012 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn xác định định mức chi phí cho lập, thẩm định và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).

5. Đối với Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường có nhiệm vụ quản lý, chỉ đạo thực hiện các dự án của đơn vị sự nghiệp cấp dưới trực thuộc thì được tính chi phí quản lý bằng 5% trên chi phí thực hiện nhiệm vụ, dự án, ngân sách nhà nước không cấp kinh phí chi hoạt động thường xuyên.

Phụ lục 05

PHÂN LOẠI CÔNG VIỆC CỦA NHIỆM VỤ, DỰ ÁN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 136 /2017/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính)

1. Quản lý đất đai

- Nhóm II: Điều tra, đánh giá đất đai theo định kỳ và theo chuyên đề; lập, chỉnh lý bản đồ địa chính; lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất.

- Nhóm III: Tổng hợp, thống kê đất đai, kiểm kê đất đai; lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; điều tra thu thập thông tin xây dựng, điều chỉnh khung giá đất, bảng giá đất, xác định giá đất, lập bản đồ giá đất; đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất; đăng ký biến động đất đai, chỉnh lý hồ sơ địa chính, cập nhật biến động đất đai; xây dựng, cập nhật, quản lý thông tin đất đai, cơ sở dữ liệu đất đai.

2. Đo đạc và bản đồ

- Nhóm I: Thành lập và hiện chỉnh hệ thống bản đồ địa hình quốc gia; đo đạc và bản đồ về biên giới quốc gia; thiết lập hệ quy chiếu quốc gia, hệ thống số liệu gốc đo đạc quốc gia, hệ thống điểm đo đạc cơ sở chuyên dụng.

- Nhóm II: Lập bản đồ chuyên đề phục vụ mục đích chuyên dụng; đo đạc và bản đồ về địa giới hành chính.

- Nhóm III: Lập bản đồ hành chính; xây dựng hệ thống không ảnh cơ bản, hệ thống không ảnh chuyên dụng; hệ thống địa danh sử dụng trong đo đạc và bản đồ; xây dựng, cập nhật, quản lý thông tin, cơ sở dữ liệu đo đạc và bản đồ, địa giới hành chính; thiết lập hệ quy chiếu quốc gia, hệ thống số liệu gốc đo đạc quốc gia, hệ thống điểm đo đạc cơ sở chuyên dụng.

3. Địa chất và khoáng sản

- Nhóm I: Điều tra, phát hiện khoáng sản cùng với việc lập bản đồ địa chất.

- Nhóm II: Đánh giá tiềm năng khoáng sản theo loại, nhóm khoáng sản và theo cấu trúc địa chất có triển vọng; điều tra địa chất tai biến, địa chất môi trường, địa chất khoáng sản biển, bản đồ chuyên đề và các chuyên đề về địa chất, khoáng sản; thăm dò một số loại khoáng sản quan trọng phục vụ mục tiêu quốc phòng, an ninh, phát triển kinh tế - xã hội; khoanh định khu vực có khoáng sản phân tán nhỏ, lẻ; khu vực có khoáng sản độc hại; khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia; khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản; khu vực cấm hoặc tạm thời cấm hoạt động khoáng sản.

- Nhóm III: Thống kê, kiểm kê trữ lượng khoáng sản; bảo vệ khoáng sản chưa khai thác; lưu trữ, quản lý thông tin về kết quả điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, thông tin khoáng sản; tiếp nhận bảo quản và trưng bày mẫu vật địa chất, khoáng sản.

4. Tài nguyên nước

- Nhóm II: Điều tra, đánh giá tài nguyên nước; điều tra hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải, khí thải, chất thải vào nguồn nước.

- Nhóm III: Hoạt động quan trắc, giám sát tài nguyên nước; kiểm kê tài nguyên nước; xây dựng và duy trì hệ thống cảnh báo, dự báo lũ, lụt, hạn hán, xâm nhập mặn và các tác hại khác do nước gây ra; các hoạt động bảo vệ tài nguyên nước, phòng chống suy thoái, cạn kiệt nguồn nước, khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra; điều hòa, phân phối tài nguyên nước trên các lưu vực sông; lập quy trình vận hành liên hồ chứa; xây dựng danh mục lưu vực sông, danh mục nguồn nước, xác định danh mục hồ, ao, đầm, phá không được san lấp; xây dựng, cập nhật, quản lý thông tin, cơ sở dữ liệu về tài nguyên nước.

5. Biển và Hải đảo

- Nhóm II: Điều tra cơ bản tài nguyên biển và hải đảo; các nhiệm vụ, dự án, đề án thuộc Chương trình trọng điểm điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

- Nhóm III: Hoạt động quan trắc, giám sát tổng hợp tài nguyên môi trường biển và hải đảo; quản lý tổng hợp tài nguyên vùng bờ; điều tra, đánh giá, thống kê, phân loại, quản lý tài nguyên biển và hải đảo; thiết lập và quản lý hành lang bảo vệ bờ biển; xây dựng, cập nhật, quản lý thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên môi trường biển và hải đảo.

6. Khí tượng thủy văn và giám sát biến đổi khí hậu

- Nhóm II: Điều tra, khảo sát bổ sung thông tin, dữ liệu cho mạng lưới trạm khí tượng thủy văn.

- Nhóm III: Hoạt động quan trắc khí tượng thủy văn; dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn, truyền thông tin thiên tai; giám sát biến đổi khí hậu; xây dựng, quản lý thông tin, cơ sở dữ liệu khí tượng thủy văn và giám sát biến đổi khí hậu; các nội dung khác về khí tượng thủy văn và giám sát biến đổi khí hậu.

7. Viễn thám

Nhóm III: Giám sát tài nguyên, thiên tai bằng công nghệ viễn thám; xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu viễn thám.

8. Đa dạng sinh học

Nhóm III: Các nhiệm vụ chi về đa dạng sinh học; riêng chi hoạt động của Ban quản lý khu bảo tồn theo cơ chế tài chính theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

9. Các nhiệm vụ chi khác

Nhóm III: Xây dựng, tích hợp, lưu trữ, quản lý cơ sở dữ liệu chung về tài nguyên; thống kê chỉ tiêu về tài nguyên môi trường (không bao gồm thống kê lĩnh vực môi trường); ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác điều tra, đánh giá, quản lý tài nguyên theo quy định của các pháp luật chuyên ngành (nếu

có); xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật, đơn giá; các nhiệm vụ chi khác về tài nguyên môi trường (nếu có).

Đối với nhiệm vụ lập, điều chỉnh các nhiệm vụ quy hoạch các lĩnh vực (trừ quy hoạch sử dụng đất) theo quy định tại khoản 3 phần V phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư này.

Phụ lục 06

MỘT SỐ MỨC CHI NHIỆM VỤ, DỰ ÁN VỀ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 136 /2017/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính)

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Khung, mức chi tối đa (1.000 đ)	Ghi chú
1	**Chi lập đề cương nhiệm vụ, dự án**			
	Lập đề cương nhiệm vụ	nhiệm vụ	1.000- 2.000	
	Lập đề cương dự án	dự án	3.000 - 5.000	*Tùy theo mức độ phức tạp của nhiệm vụ, dự án*
2	**Họp hội đồng xét duyệt đề cương nhiệm vụ, dự án**	Buổi họp		*không tính chi họp hội đồng đối với nhiệm vụ được giao thường xuyên hàng năm*
	Chủ tịch Hội đồng	người/buổi	500	
	Thành viên, thư ký	người/buổi	300	
	Đại biểu được mời tham dự	người/buổi	150	
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện	Bài viết	500	*Theo quy chế của cấp có thẩm quyền quy định có nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện và ủy viên hội đồng mới được tính*
	Nhận xét đánh giá của ủy viên hội đồng	Bài viết	300	
3	**Lấy ý kiến thẩm định dự án bằng văn bản của chuyên gia và nhà quản lý** (tối đa không quá 5 bài viết)	Bài viết	500	*Trường hợp không thành lập Hội đồng xét duyệt đề cương*
4	**Điều tra, khảo sát**			
a	Lập mẫu phiếu điều tra	Phiếu mẫu được duyệt	500	
b	Chi cho đối tượng cung cấp thông tin			

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Khung, mức chi tối đa (1.000 đ)	Ghi chú
	- Cá nhân	Phiếu	50	
	- Tổ chức	Phiếu	100	
c	Chi cho điều tra viên; công quan trắc, khảo sát, lấy mẫu (trường hợp thuê ngoài theo vụ việc nếu có)	Người/ngày công	Mức tiền công 1 người/ngày tối đa không quá 200% mức lương cơ sở, tính theo lương ngày do Nhà nước quy định cho đơn vị sự nghiệp công lập tại thời điểm thuê ngoài (22 ngày)	
d	Chi cho người dẫn đường	người/ngày	100	*Chỉ áp dụng cho điều tra thuộc vùng núi cao, vùng sâu cần có người địa phương dẫn đường và người phiên dịch cho điều tra viên*
đ	Chi cho người phiên dịch tiếng dân tộc	người/ngày	200	
5	**Báo cáo tổng kết nhiệm vụ, dự án** - Nhiệm vụ - Dự án (Riêng lập báo cáo tổng kết nhiệm vụ, dự án điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản theo Khoản 2 Phần III Phụ lục 4 kèm theo Thông tư này)	Báo cáo	 5.000 10.000-15.000	*Tùy theo tính chất, quy mô của dự án, nhiệm vụ*
6	**Hội thảo** (nếu có) Người chủ trì Thư ký hội thảo Đại biểu được mời tham dự Báo cáo tham luận	 người/buổi hội thảo Bài viết	 500 300 150 350	
7	**Hội đồng nghiệm thu nhiệm vụ, dự án** - Nghiệm thu nhiệm vụ: Chủ tịch hội đồng Thành viên, thư ký	 người/buổi	 400 200	
	- Nghiệm thu dự án: Chủ tịch Hội đồng		700	

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Khung, mức chi tối đa (1.000 đ)	Ghi chú
	Thành viên, thư ký hội đồng	người/buổi	400	
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện	bài viết	500	
	Nhận xét đánh giá của ủy viên hội đồng (nếu có)	bài viết	400	
	Đại biểu được mời tham dự	người/buổi	150	

Mức chi quy định trên đây là mức chi tối đa, tùy điều kiện thực tế và khả năng của ngân sách địa phương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo thẩm quyền quy định mức chi cụ thể để thực hiện ở địa phương.

Ngoài ra một số mức chi khác quy định tại các văn bản sau:

a) Chi công tác phí, hội nghị theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị.

b) Chi tạo lập thông tin điện tử, tạo lập cơ sở dữ liệu, ứng dụng công nghệ thông tin theo quy định tại Thông tư số 194/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn mức chi tạo lập thông tin điện tử; Thông tư liên tịch số 19/2012/TTLT-BTC-BKH&ĐT-BTTTT ngày 15 tháng 2 năm 2012 của Bộ Tài chính - Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước và các văn bản quy định về định mức, đơn giá khác được cấp có thẩm quyền ban hành.

c) Chi quan trắc và phân tích mẫu theo định mức, đơn giá được cấp có thẩm quyền ban hành, theo quy định của pháp luật về giá và pháp luật chuyên ngành (nếu có).

d) Chi truyền thông, phổ biến, giáo dục pháp luật theo Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Bộ Tài chính - Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở.

đ) Chi làm thêm giờ theo Thông tư liên tịch số 08/2005/TTLT-BNV-BTC ngày 5 tháng 01 năm 2005 của Bộ Nội vụ - Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chế độ trả lương làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ đối với cán bộ, công chức, viên chức.